TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 40

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 641, chữ số 4 có giá trị là:

A. 400 **B.** 4 **C.** 641 **D.** 40

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 205 × 2 là:

A. 422 **B.** 400 **C.** 410 **D.** 420

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 42 : 6 là:

A. 7 **B.** 36 **C.** 6 **D.** 8

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: ..... : 6 = 8

A. 14 **B.** 51 **C.** 42 **D.** 48

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số lớn là 18, số bé là 3. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 15 lần **B.** 6 lần **C.** 7 lần **D.** 21 lần

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần tư (1/4) của 12 cái kẹo là:

A. 5 cái kẹo **B.** 3 cái kẹo **C.** 48 cái kẹo **D.** 8 cái kẹo

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 cm 1 mm = ... mm

A. 15 **B.** 501 **C.** 6 **D.** 51

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình tròn có bán kính 5 cm. Đường kính của hình tròn đó là:

A. 20 cm **B.** 10 cm **C.** 7 cm **D.** 5 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ..... × 4 = 28

b) ..... : 5 = 33

c) ..... + 255 = 473

d) 24 : ..... = 8

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 450 + 291 = ...

b) 659 − 285 = ...

c) 187 × 3 = ...

d) 171 : 3 = ...

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 18, 27, ……, ……, 54, 63

b) 870, 880, 890, ……, ……, 920

Câu 12. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 8 × 9 …… 71

b) 1 dm …… 10 cm

c) 2 m 9 cm …… 299 cm

d) 1/5 của 15 …… 1/2 của 8

Câu 13. *(1 điểm)* Tính:

a) 422 g + 253 g = …… g

b) 488 ml − 415 ml = …… ml

c) 150 mm × 2 = …… mm

d) 56 kg : 4 = …… kg

Câu 14. *(1 điểm)* Tổ Một trồng được 29 cây. Tổ Hai trồng được gấp 2 lần số cây của tổ Một. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?

a) Tổ Hai trồng được: …… cây

b) Cả hai tổ trồng được: …… cây

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 40

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	A	D	B	B	D	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 28 : 4 = 7

b) 33 × 5 = 165

c) 473 − 255 = 218

d) 24 : 8 = 3

Câu 10.

a) 450 + 291 = 741

b) 659 − 285 = 374

c) 187 × 3 = 561

d) 171 : 3 = 57

Câu 11.

a) Đếm thêm 9: 18, 27, 36, 45, 54, 63

b) Mỗi số hơn số trước 10 đơn vị: 870, 880, 890, 900, 910, 920

Câu 12.

a) 8 × 9 = 72 nên điền dấu «>»

b) 1 dm = 10 cm nên điền dấu «=»

c) 2 m 9 cm = 209 cm nên điền dấu «<»

d) 1/5 của 15 là 3; 1/2 của 8 là 4 nên điền dấu «<»

Câu 13.

a) 675 g

b) 73 ml

c) 300 mm

d) 14 kg

Câu 14.

Tổ Hai: 29 × 2 = 58 (cây)

Cả hai tổ: 29 + 58 = 87 (cây)